

Số: 1055^C/2022/CBTT-VAB

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á
 - Mã chứng khoán: VAB
 - Mã số thuế: 0302963695
 - Địa chỉ: Tầng 4 và 5, toà nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, Hà Nội.
 - Số điện thoại: 024 39 333 636 Fax: 04.39 336426
 - Email:

2. Nội dung thông tin công bố:

“Ngày 15/04/2022, Ngân hàng TMCP Việt Á và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số 150422.005/HĐTC.KT1. Theo đó, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC sẽ thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022; Kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính 2022; Dịch vụ đảm bảo có giới hạn về Báo cáo đánh giá Hệ thống kiểm soát Nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Ngân hàng TMCP Việt Á và Dịch vụ đảm bảo chứng thực có giới hạn về Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của VIETABANK”.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử <https://vietabank.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



NGUYỄN HỒNG HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

o0o

Số: 150422.005/HĐTC.KT1

Ngày 15 tháng 04 năm 2022

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(Về việc Soát xét Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất 06 tháng đầu năm 2022; Kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính 2022 và Dịch vụ đảm bảo có giới hạn về Báo cáo đánh giá Hệ thống Kiểm soát Nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 và hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn cho năm tài chính 2022 của Ngân hàng TMCP Việt Á)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Thông tư 39/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về “Kiểm toán độc lập đối với các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài”;
- Căn cứ Thông tư 24/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi Thông tư 39/2011/TT-NHNN quy định về “Kiểm toán độc lập đối với các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài”;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán; Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính Tập đoàn;
- Căn cứ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Á và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á (VIETABANK)

Người đại diện : **Nguyễn Văn Trọng**

Chức vụ : Quyền Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 4 và 5, toà nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An,
phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại : 024 39 333 636

Tài khoản số : 120022
Tại Ngân hàng : Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam
Mã số thuế : 0302963695

BÊN B: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : **PHẠM ANH TUẤN**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 010122.003/UQ.TH ngày 01/01/2022 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC)

Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3 8241 990 Số fax: (84-24) 3 8253 973

Tài khoản số : 030.100.968.9689 (VND)

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm

Mã số thuế : 0100111105

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ PHẠM VI DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của VIETABANK. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á – Công ty con của VIETABANK. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Đơn vị.
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Đơn vị.
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của VIETABANK. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các Báo cáo tài chính được soát xét và kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

- Dịch vụ đảm bảo chứng thực có giới hạn về Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của VIETABANK. Dịch vụ đảm bảo chứng thực có giới hạn được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận với sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được trình bày hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của

VIETABANK như đã được thiết kế và thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

- Dịch vụ đảm bảo chứng thực có giới hạn về Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của VIETABANK. Dịch vụ đảm bảo chứng thực có giới hạn được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận với sự đảm bảo có giới hạn về việc liệu Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn đã được trình bày hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn của VIETABANK như đã được thiết kế và thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

ĐIỀU 2: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A:

Dịch vụ của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Điều hành của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm (sau đây gọi chung là “Báo cáo tài chính”) trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.1.2. Đảm bảo các sổ sách và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;
- 2.1.3. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Bên A xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.1.4. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã được trình bày hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như đã được thiết kế và thực hiện trong năm tài chính trên cơ sở các tiêu chí của hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2018.
- 2.1.5. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn đã được trình bày hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn như đã được thiết kế và thực hiện trong năm tài chính trên cơ sở các tiêu chí của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và phù hợp với quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2018.
- 2.1.6. Thông báo cho Bên B biết tất cả các thông tin liên quan đến các sai sót về mặt tài chính mà Ban Điều hành Bên A, hoặc những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp

của đơn vị được kiểm toán nhận được trong đó không giới hạn các sai sót do các hành vi gian lận gây ra.

2.1.7. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

- a. Cung cấp Báo cáo tài chính trước soát xét/kiểm toán đã được phê duyệt bởi Bên A trong ngày đầu tiên kiểm toán viên thực hiện công việc soát xét/kiểm toán tại Bên A;
- b. Cung cấp Báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ và Báo cáo đánh giá nội bộ về mức đủ vốn đã được phê duyệt bởi Bên A trong ngày đầu tiên kiểm toán viên thực hiện công việc kiểm toán tại Bên A;
- c. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Điều hành nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác, kể cả thông tin của đơn vị thành viên, bao gồm các tài liệu, hồ sơ kiểm toán có liên quan mà bên B yêu cầu;
- d. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và công ty kiểm toán yêu cầu Ban Điều hành (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của việc thực hiện Dịch vụ;
- e. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và công ty kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình thực hiện Dịch vụ;
- f. Quyền tiếp cận, trao đổi thông tin không hạn chế đối với các kiểm toán viên đơn vị thành viên. Bên B được phép thực hiện hoặc yêu cầu kiểm toán viên đơn vị thành viên thực hiện kiểm toán hoặc soát xét thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên.
- g. Quyền tiếp cận, trao đổi không hạn chế đối với kiểm toán viên tiền nhiệm (bao gồm việc soát xét giấy làm việc của kiểm toán viên tiền nhiệm) hoặc tạo điều kiện cho kiểm toán viên thu thập bằng chứng liên quan đến sổ dư đầu kỳ.

Việc Ban Điều hành không thể cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên trong VIETABANK và các công ty con của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi các thủ tục kiểm toán/soát xét, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ khi được các bên cùng chấp thuận bằng văn bản;

- 2.1.8. Ban Điều hành của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình thực hiện Dịch vụ vào “Thư giải trình của Ban Điều hành”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo trong đó: (1) nêu rõ trách nhiệm của Ban Điều hành Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; (2) khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình thực hiện Dịch vụ cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính; và (3) đã cung cấp cho Bên B tất cả những thông tin và quyền trao đổi thông tin (trong phạm vi phù hợp) có liên quan như được trình bày trong hợp đồng này. Các giải trình của Bên A là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A;

- 2.1.9. Đảm bảo điều kiện làm việc thuận lợi cho Bên B bao gồm tạo điều kiện cho Bên B tham dự và giám sát kiểm quỹ, kiểm kê tài sản (nếu cần thiết) và hỗ trợ việc phô tô, đánh máy, chuẩn bị chứng từ và các thư xác nhận số dư tài khoản ngân hàng, khách hàng và nhà cung cấp theo mẫu do Bên B lựa chọn;
- 2.1.10. Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.
- 2.1.11. Bên A có quyền:
- Yêu cầu Bên B hoàn thành việc kiểm toán và soát xét trong khoảng thời gian đã thỏa thuận;
 - Thanh lý hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo yêu cầu mà hai Bên đã thỏa thuận do lỗi của Bên B gây ra.
 - Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại cho Bên A do lỗi của Bên B gây ra .

2.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

- 2.2.1. Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- 2.2.2. Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và dịch vụ đảm bảo đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

- 2.2.3. Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
- 2.2.4. Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các

chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

- 2.2.5. Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của bên B với dịch vụ đảm bảo có giới hạn:

- 2.2.6. Bên B sẽ thực hiện dịch vụ đảm bảo có giới hạn theo các Chuẩn mực Việt nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo, pháp luật và các quy định có liên quan. Chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải duy trì một hệ thống kiểm soát chất lượng toàn diện, bao gồm việc thiết kế và lưu lại các chính sách và thủ tục liên quan đến tính tuân thủ chuẩn mực, các yêu cầu về tính độc lập và các quy định về đạo đức nghề nghiệp cũng như lập kế hoạch và thực hiện các thủ tục để có được mức độ đảm bảo có ý nghĩa rằng Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.
- 2.2.7. Dịch vụ đảm bảo có giới hạn của chúng tôi để đưa ra kết luận về Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, kết luận về Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng về việc lập và trình bày các thông tin trong các Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ này của Bên A. Các thủ tục được lựa chọn tùy thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro các Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ này không được trình bày hợp lý. Các thủ tục của chúng tôi bao gồm thử nghiệm việc thực hiện các kiểm soát bao gồm trong các Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ này nhưng không bao gồm việc thử nghiệm hoạt động hiệu quả của các kiểm soát đó trong năm.
- 2.2.8. Về mặt bản chất, các thủ tục kiểm soát được thiết kế thường có những hạn chế cố hữu và do đó các sai sót và vi phạm có thể phát sinh và không được phát hiện. Các thủ tục này không thể bảo đảm việc tránh được hành vi thông đồng gian lận, đặc biệt là từ phía những người nắm giữ các vị trí có thẩm quyền hoặc được tín nhiệm. Hơn nữa, kết luận đưa ra là dựa trên các thông tin lịch sử và việc quy chiếu các thông tin hay kết luận nào trong Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn về các Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ nêu trên cho bất cứ giai đoạn nào trong tương lai sẽ đều không phù hợp, do các thay đổi về điều kiện hoặc do mức độ tuân thủ chính sách, thủ tục bị suy giảm.

Trách nhiệm chung của Bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

- 2.2.9. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch thực hiện Dịch vụ, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện Dịch vụ.
- 2.2.10. Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- 2.2.11. Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm

toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

2.2.12. Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

2.2.13. Bên B có quyền:

- Yêu cầu mọi chứng từ và tài liệu liên quan quyền tiếp cận không hạn chế các nhân viên và cán bộ của VIETABANK và các công ty con của Bên A để đảm bảo tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và thực hiện các thủ tục cần thiết trong quá trình thực hiện dịch vụ;
- Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ giá phí dịch vụ theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này;
- Thanh lý hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp Bên A không thực hiện đúng yêu cầu mà hai Bên đã thỏa thuận và/hoặc trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ THỜI HẠN PHÁT HÀNH

3.1. Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ

Sau khi hoàn thành dịch vụ, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

TT	Báo cáo	Số lượng (Tiếng Việt)	Số lượng (Tiếng Anh)
1	Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ của VIETABANK được lập theo VAS cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022	21	11
2	Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á được lập theo VAS cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022	11	6
3	Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất của Ngân hàng được lập theo VAS cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	21	11
4	Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á được lập theo VAS cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11	6
5	Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn đối với Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11	-
6	Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn đối với Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức	11	-

TT	Báo cáo	Số lượng (Tiếng Việt)	Số lượng (Tiếng Anh)
	độ đủ vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		
7	Thư quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11	-

(Trong đó: Bên B giữ 01 bộ mỗi loại, Bên A giữ số bộ còn lại của mỗi loại).

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan.

Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ bảo đảm số 3000 và quy định pháp lý khác có liên quan.

Thư quản lý được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.2. Công bố Báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán:

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo soát xét, Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét và Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đã được kiểm toán, Bên A cam kết sẽ đính kèm đầy đủ nội dung của Báo cáo kiểm toán hoặc Báo cáo soát xét (đối với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét) hoặc Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn (đối với Báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ) với các tài liệu đó.

3.3 Thời hạn phát hành sản phẩm dịch vụ

- Các báo cáo soát xét Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 sẽ được phát hành không muộn hơn ngày 10/08/2022.

- Các báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn của kiểm toán độc lập về báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Báo cáo dịch vụ đảm bảo có giới hạn của kiểm toán độc lập về báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Thư quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ được phát hành không muộn hơn ngày 30/03/2023.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng giá phí hợp đồng cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 của hợp đồng là **770.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).**

Phí dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ chi phí phát sinh để thực hiện dịch vụ tại Điều 1.

Tiến trình thanh toán

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai Bên ký kết hợp đồng và nhận được công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- 50% giá trị hợp đồng còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B khi nhận đầy đủ các báo cáo kiểm toán chính thức, Thư quản lý theo Điều 3 của Hợp đồng, Công văn đề nghị thanh toán và Hóa đơn GTGT.

Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản.

Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán phát hành không đúng thời hạn đề ra, hai Bên xem xét lỗi thuộc về Bên nào Bên đấy phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai Bên lựa chọn. Để tránh nhầm lẫn các bên xác nhận rằng việc thương lượng không phải là thủ tục tiền tố tụng, các bên vẫn có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết tranh chấp dù có hay không tiến hành việc thương lượng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 05 bản tiếng Việt, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 01 bản. Các bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi Bên và không có khiếu nại nào khác.

Đại diện Bên A *Chanh*
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

QUYỀN TÔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Văn Trọng

Đại diện Bên B
**CÔNG TY TNHH
HÃNG KIỂM TOÁN AASC
PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**


[Signature]
Phạm Anh Tuấn